

Số: 7134/QĐ-BCA-QLXNC

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK
Số: 3914
ĐẾN Ngày: 25/8/2025
Chuyên:

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 221/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về việc miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh tại Tờ trình số 6859/TTr-QLXNC ngày 07 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an (danh mục, nội dung cụ thể của thủ tục hành chính và các biểu mẫu là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ; Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Minh*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Các đồng chí Thứ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3 (để th/h);
- Cục PC và CCHC, tư pháp, Bộ Công an (để công bố);
- Cổng dịch vụ công Bộ Công an; Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an (để công khai);
- Lưu: VT, QLXNC (P1).



Đại tướng Lương Tam Quang

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC
QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA BỘ CÔNG AN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 7134 /QĐ-BCA-A08 ngày 18/8/2025
của Bộ trưởng Bộ Công an)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH
TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ CÔNG AN**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho người nước ngoài	Quản lý xuất nhập cảnh	Cục Quản lý xuất nhập cảnh

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI
BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ CÔNG AN**

Tên thủ tục hành chính: Cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho người nước ngoài

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho người nước ngoài:

- Nộp hồ sơ trực tiếp vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần tại một trong hai trụ sở của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an:

+ Số 44-46 Trần Phú, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội.

+ Số 333-335-337 đường Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an.

* Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận, cấp giấy hẹn trả kết quả hoặc thông báo cho cơ quan, tổ chức về việc đã tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an hoặc qua tin nhắn (SMS) hoặc qua thư điện tử (email).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn hoặc thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an hoặc qua tin nhắn (SMS) hoặc qua thư điện tử (email) để cơ quan, tổ chức hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận, trả lời bằng văn bản hoặc thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an hoặc qua tin nhắn (SMS) hoặc qua thư điện tử (email).

* Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến hết sáng thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Tết, ngày lễ).

Bước 3: Trả kết quả:

+ Nhận trực tiếp: nhận kết quả trực tiếp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh. Khi đến nhận kết quả mang theo giấy hẹn trả kết quả, giấy tờ tùy thân để kiểm tra, đối chiếu.

+ Nhận trực tuyến: Cục Quản lý xuất nhập cảnh thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an hoặc thư điện tử (email).

+ Trường hợp không đồng ý cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt thì trả lời bằng văn bản hoặc thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an hoặc thư điện tử (email) và nêu rõ lý do.

+ Thời gian trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày Tết, ngày lễ).

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp: nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

- Trực tuyến: nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản thông báo hoặc văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, cụ thể:

+ Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 221/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ: Thông báo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo mẫu NA-01;

+ Đối với trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 221/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ: Văn bản đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc cơ quan Đảng, Quốc hội theo mẫu NA-02;

+ Đối với trường hợp quy định tại điểm e và điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 221/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ: Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức có liên quan theo mẫu NA-02.

- Bản chụp trang nhân thân hộ chiếu.

* Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 221/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ;

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 3 Nghị định số 221/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ;

- Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 221/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với trường hợp thuộc điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 221/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ.

- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc cơ quan Đảng, Quốc hội đối với trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 221/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ.

- Cơ quan, tổ chức có liên quan đối với trường hợp quy định tại điểm e và điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định số 221/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng điện tử (mẫu NC-01) và thông báo cơ quan, tổ chức về việc cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng điện tử cho người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam (mẫu NB-01) hoặc Thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng cứng có gắn chip (mẫu NC-02).

8. Phí/lệ phí: không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản thông báo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc đề nghị xem xét cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho người nước ngoài thuộc đối tượng ưu

đãi nhập cảnh Việt Nam (mẫu NA-01) hoặc Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc xem xét cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam (mẫu NA-02).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có hộ chiếu còn giá trị sử dụng trên 30 ngày.
- Không thuộc các trường hợp chưa cho nhập cảnh và tạm hoãn xuất cảnh theo quy định tại Điều 21 và Điều 28 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.
- Thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng cứng có gắn chip được cấp trong trường hợp người nước ngoài đang ở Việt Nam; đã có thông tin sinh trắc học về vân tay và ảnh khuôn mặt trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh hoặc có tài khoản định danh điện tử mức độ 02; được miễn thị thực với thời hạn từ 03 năm trở lên.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 ngày 16/6/2014 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2019/QH14 ngày 25/11/2019 và Luật số 23/2023/QH15 ngày 24/6/2023);
- Nghị quyết số 227/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27/6/2025;
- Nghị định số 221/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ quy định về việc miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Mẫu NA-01. Văn bản thông báo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc đề nghị xem xét cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam

.....(1)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:.....

Địa chỉ email:.....

Số:.....

V/v đề nghị cấp thẻ miễn thị thực
đặc biệt cho người nước ngoài
thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh
Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... ..tháng... .. năm

Kính gửi : CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH (BỘ CÔNG AN)

Căn cứ quy định tại Nghị định số...../NĐ-CP ngày.....của Chính phủ về việc miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

..... (1) thông báo Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt.....(2)..... cho người nước ngoài là khách mời của(3) thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam.

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch		Số, loại hộ chiếu	Chức vụ/nghề nghiệp	Thời gian đề nghị miễn thị thực (4)	Ghi chú (5)
				Gốc	Hiện nay				
1									
2									
...									

Đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh (Bộ Công an) thông báo kết quả giải quyết cho (1)..... qua(6).....

Nơi nhận:

Thủ trưởng cơ quan/ tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Ghi tên cơ quan, tổ chức.
- (2) Ghi rõ hình thức thẻ miễn thị thực đặc biệt (dạng điện tử hoặc dạng cứng có gắn chip).
- (3) Ghi tên, chức vụ người mời.
- (4) Ghi rõ đề nghị được miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... đối với từng trường hợp.
- (5) Trường hợp đề nghị cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng cứng có gắn chip, ghi rõ thông tin về ngày nhập cảnh gần nhất, thời hạn tạm trú và địa chỉ tạm trú hiện nay của người nước ngoài).
- (6) Ghi cụ thể hình thức nhận thông báo (trực tiếp hoặc trên môi trường điện tử).

Mẫu NA-02. Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc xem xét cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam

.....(1)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:.....

Địa chỉ email:.....

Số:.....

V/v đề nghị cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng..... năm

Kính gửi : **CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH (BỘ CÔNG AN)**

Căn cứ quy định tại Nghị định số...../NĐ-CP ngày.....của Chính phủ về việc miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

..... (1) đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt(2)..... cho người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam.

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch		Số, loại hộ chiếu	Thuộc đối tượng ưu đãi (3)	Đảm bảo tiêu chí (4)	Thời gian đề nghị miễn thị thực (5)	Ghi chú (6)
				Gốc	Hiện nay					
1										
2										
...										

Đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh (Bộ Công an) thông báo kết quả giải quyết cho (1)..... qua(7).....

Nơi nhận:

Thủ trưởng cơ quan/ tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ đóng dấu)

.....
Ghi chú:

(1) Ghi tên cơ quan, tổ chức.

(2) Ghi rõ hình thức thẻ miễn thị thực đặc biệt (dạng điện tử hoặc dạng cứng có gắn chip).

(3), (4) Ghi cụ thể, chi tiết thông tin về đối tượng ưu đãi, tiêu chí (Ví dụ: chức danh, chức vụ, tên tập đoàn, doanh nghiệp; tên tổ chức quốc tế công bố danh sách; tên giải thưởng quốc tế người nước ngoài đạt được...).

(5) Ghi rõ đề nghị được miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... đối với từng trường hợp.

(6) Trường hợp đề nghị cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng cứng có gắn chip, ghi rõ thông tin về ngày nhập cảnh gần nhất, thời hạn tạm trú và địa chỉ tạm trú hiện nay của người nước ngoài).

(7) Ghi cụ thể hình thức nhận thông báo (trực tiếp hoặc trên môi trường điện tử).

Mẫu NB-01. Thông báo cơ quan, tổ chức về việc cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng điện tử cho người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam

**BỘ CÔNG AN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

..... ngày tháng năm

V/v cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt
dạng điện tử cho người nước ngoài
thuộc diện ưu đãi nhập cảnh Việt Nam

Kính gửi: (1).....

Trả lời.....(2)....., ngày.....tháng.....năm.....của.....(1)..... về việc đề nghị xem xét cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt chongười nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam, Cục Quản lý xuất nhập cảnh có ý kiến như sau:

1/ Đồng ý cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho..... người nước ngoài có tên sau đây: (3)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Số hộ chiếu	Số thẻ miễn thị thực đặc biệt	Thời hạn miễn thị thực đặc biệt
1							
.....							

Đề nghị cơ quan, tổ chức thông báo cho người nước ngoài có tên tại mục 1 truy cập..... để nhận thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng điện tử.

2/ Ý kiến khác: (4)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu (5);
- Lưu: VT,...

CỤC TRƯỞNG

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị.
- (2) Công văn số...
- (3) Danh sách người nước ngoài được cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt. Nếu có từ 01 đến 04 người thì in ngay danh sách; nếu có từ 05 người trở lên thì in danh sách vào tờ riêng và thêm dòng chữ "Danh sách kèm theo".
- (4) + (5) Mục này không thể hiện trên công văn trả lời, chỉ khi có những vấn đề liên quan việc nhập cảnh của người nước ngoài hoặc liên quan, tổ chức đề nghị thì mới in mục này.

Mẫu NC-01. Thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng điện tử



Thuyết minh:

- Thẻ miễn thị thực đặc biệt hình chữ nhật
- Nền của thẻ miễn thị thực đặc biệt được thiết kế hình ảnh mặt trống đồng màu vàng nhạt.
- Màu sắc của chữ “thẻ miễn thị thực đặc biệt/special visa exemption card” là màu đỏ, các chữ còn lại là màu đen

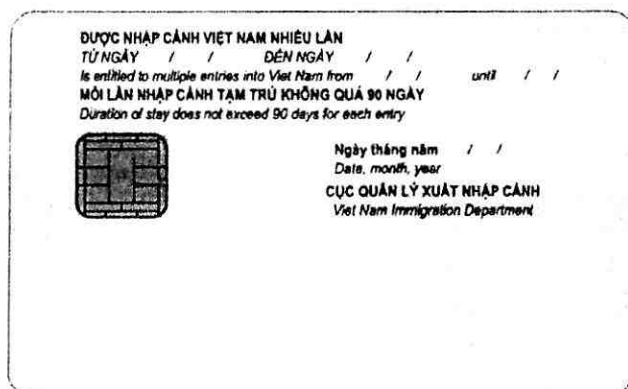
Mẫu NC-02 . Thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng cứng có gắn chip



MẶT TRƯỚC



MẶT TRƯỚC CÁ THẺ HÓA



MẶT SAU



MẶT SAU CÁ THẺ HÓA

Thuyết minh:

- Thẻ miễn thị thực đặc biệt hình chữ nhật, chiều rộng 53,98mm, chiều dài 85,6mm, độ dày 0,76mm, 04 góc được cắt tròn với bán kính 3,18mm. Thẻ miễn thị thực đặc biệt được sản xuất bằng chất liệu nhựa.
- Hai mặt của thẻ miễn thị thực đặc biệt được thiết kế hình ảnh mặt trống đồng màu vàng nhạt.
- Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và ảnh khuôn mặt của người được cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt được in màu trực tiếp trên thẻ.
- Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đường kính 12mm.
- Ảnh khuôn mặt của người được cấp thẻ kích thước 20mm x 30mm.
- Vị trí in mã QR kích thước 18mm x 18mm.
- Màu sắc của chữ “thẻ miễn thị thực đặc biệt/special visa exemption card” là màu đỏ, các chữ còn lại là màu đen.
- Bộ phận lưu trữ thông tin trên thẻ miễn thị thực đặc biệt là mã QR và chip điện tử được gắn ở mặt sau của thẻ.